TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14/01/2020
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Quý Sáng;
2. Bà Đinh Thị Út;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2019/TLST - HNGĐ ngày 10/12/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2019 giữa :

Nguyên đơn**:** Chị Sùng Thị C- sinh năm 1984
Địa chỉ: Bản K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có mặt)

Bị đơn: Anh Thào A Q - Sinh năm 1984
Địa chỉ: Bản K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sùng Thị C trình bày: Chị và anh Thào A Q tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2002 không làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng vẫn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Anh Q không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập vợ nên chị Chấn đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2010 và từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thào A Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu Thào Seo D sinh ngày 18/3/2004 và cháu Thào Seo S sinh ngày 27/9/2006. Khi ly hôn, chị và anh Q thống nhất thỏa thuận để anh Thào A Q là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu Thào Seo D và Thào Seo S đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Sùng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị C và anh Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, tại biên bản hòa giải anh Thào A Q trình bày: Anh và chị Sùng Thị C tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2002 không có đăng ký kết hôn, nhưng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị C trình bày là đúng. Đến nay chị Sùng Thị C làm đơn xin ly hôn, Anh Thào A Q cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung. Về tên, tuổi các cháu như chị C trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh và chị C đã thống nhất để anh Thào A Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu Thào Seo D và Thào Seo S đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Thào Seo D và cháu Thào Seo S, các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh Thào A Q.

Tại phiên toà chị Sùng Thị C vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 9; điều 14; điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị C và anh Thào A Q.

Về con chung: Giao cháu Thào Seo Dìn sinh ngày 18/3/2004 và cháu Thào Seo Sình sinh ngày 27/9/2006 cho anh Thào A Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Thào A Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thào A Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Sùng Thị C trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Sùng Thị C và anh Thào A Q chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tuy nhiên việc chung sống của chị C và anh Quả là hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị C và anh Q là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Q thường xuyên uống rượu, không chịu khó làm ăn, từ đó vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau, chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2010 và từ đó đến nay anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị Sùng Thị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Thào A Q. Tại biên bản lấy lời khai anh Thào A Q cũng xác định tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Sùng Thị C, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh Q là phù hợp điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu Thào Seo D sinh ngày 18/3/2004 và cháu Thào Seo S sinh ngày 27/9/2006 . Quá trình giải quyết vụ án, chị C và anh Q đều thống nhất thỏa thuận để anh Thào A Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh Q làm nghề nông, trồng trọt chăn nuôi mức thu nhập trung bình 3.000.000 đồng/tháng còn chị C không có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định. Hai cháu Thào Seo D và Thào Seo S đều có nguyện vọng được ở với anh Thào A Q. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận trên giữa các đương sự là phù hợp với điều 15; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Chấn và anh Quả tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Sùng Thị C phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9; khoản 1 điều 14; điều 15; khoản 2 điều 53; điều 81; điều 82; điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị C và anh Thào A Q.

2. Về con chung: Giao cháu Thào Seo D sinh ngày 18/3/2004 và cháu Thào Seo S sinh ngày 27/9/2006 cho anh Thào A Q trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị C phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001678 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên. Chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

Hà Thị Anh